

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 9-2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Ông Trần Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Đ tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trần Thế A, sinh năm 1984;

Nơi thường trú: Số 1/157 đường Thanh B, phường Lộc H, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ.

Căn cước công dân số: 035084009223 cấp ngày 08/9/2022.

* Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký thường trú: Số 1/157 đường Thanh B, phường Lộc H, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ.

Căn cước công dân số: 036189005393 cấp ngày 13/8/2019.

Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản

Tại phiên tòa: Anh Trần Thế A có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Trần Thị D đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Thế A trình bày: Anh và chị Trần Thị D tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Lộc H, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh Thế A đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam còn chị D sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Do khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Đ xử cho anh được ly hôn với chị Trần Thị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có hai con chung là cháu Trần Hạ V, sinh ngày 09/11/2012 và cháu Trần Đăng K, sinh ngày 28/4/2015. Hiện nay hai cháu đang sống cùng với anh và bố mẹ anh tại số nhà 1/157 đường Thanh B, phường Lộc H, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ, vì vậy anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn là chị Trần Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng qua người thân nhưng đến nay chị D không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của anh Thế A.

* Tại đơn trình bày ý kiến ngày 17 tháng 7 năm 2023 và ngày 25 tháng 8 năm 2023 ông Trần Bích X - bố đẻ của chị Trần Thị D cung cấp: Hiện tại chị D đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, ông không biết địa chỉ cụ thể của chị D tại Nhật Bản. Tuy nhiên chị D vẫn thường xuyên liên lạc với ông và gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận thay cho chị D những văn bản, giấy tờ tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho chị D biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản, giấy tờ tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo cho chị D biết nội dung khởi kiện của anh Trần Thế A về việc xin ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Ông cũng đã thông báo cho chị D về việc Tòa án yêu cầu chị viết bản tự khai trình bày quan điểm đối với những nội dung khởi kiện của anh Thế A nhưng chị D trả lời là

không thể gửi văn bản có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản được. Qua điện thoại chị D có trao đổi với ông về quan điểm của chị là: Chị xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với anh Thế A. Chị đồng ý giao hai con chung là cháu Trần Hạ V, sinh ngày 09/11/2012 và cháu Trần Đăng K, sinh ngày 28/4/2015 cho anh Thế A trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay hai cháu đang ở với anh Thế A, chị đề nghị anh Thế A tạo điều kiện cho chị cũng như ông bà ngoại của các cháu được đi lại thăm nom con chung. Do chị đang ở Nhật Bản không về được nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi văn bản, giấy tờ của Tòa án chị đề nghị gửi cho ông X nhận và thông báo lại cho chị. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

* Cháu Trần Hạ V và cháu Trần Đăng K đều trình bày: Hai cháu là con của bố Trần Thế A và mẹ Trần Thị D, bố mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng ở cùng với bố.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có văn bản và tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử lý hôn giữa anh Trần Thế A và chị Trần Thị D. Giao 2 con chung là cháu Trần Hạ V và cháu Trần Đăng K cho anh Thế A nuôi dưỡng và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thế A có đơn xin vắng mặt hợp lệ; chị Trần Thị D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thế A và chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thế A và chị D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Lộc H, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, chị D đi lao động tại Nhật Bản còn anh Thế A sinh sống tại Việt Nam. Do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Thế A xin ly hôn, chị D không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, nhưng qua cung cấp của ông X (bố chị D) thì chị D cũng đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh Thế A và chị D đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Thế A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Trần Hạ V, sinh ngày 09/11/2012 và cháu Trần Đăng K, sinh ngày 28/4/2015 hiện đang do anh Thế A nuôi dưỡng. Anh Thế A xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, cháu Vy và cháu Kiên đều có nguyện vọng ở với bố, chị D đang ở nước ngoài. Vì vậy cần giao hai con chung cho anh Thế A nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện sinh sống thực tế hiện nay của anh chị và con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Thế A về việc không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Thế A phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Thế A và chị Trần Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hạ V, sinh ngày 09/11/2012 và cháu Trần Đăng K, sinh ngày 28/4/2015 cho anh Trần Thế A trực tiếp trông nom, nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành lao động tự lập được. Chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí: Anh Trần Thế A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006880 ngày 17/7/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Đ. Anh Trần Thế A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Thế A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; chị Trần Thị D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Đ;
- Cục THADS tỉnh Nam Đ;
- UBND phường Lộc H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng